TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị T Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Y**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B. (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Mai Văn C**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B(vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp Thanh Phước, xã Đ, huyện M, tỉnh B(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đinh Thị Y trình bày:

Chị Y và anh C quen biết, tìm hiểu và tự nguyên tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày (nay là huyện M), tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết

hôn ngày 30/10/2003. Sau khi thành hôn thì anh chị sống cùng cha mẹ chồng ở ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu Tẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, thời gian này anh C không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Mâu Tẫn ngày càng trầm trọng và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị Y đi làm tại Thành phố H từ năm 2018 cho đến nay, thỉnh thoảng thì có về thăm gia đình. Trong thời gian này anh C có tình cảm với người phụ nữ khác, chị Y biết được có khuyên can nhưng anh Cum không sửa đổi, vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Y và anh C có một con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003, hiện đang sống cùng anh C, chị Y đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Y xin rút yêu cầu chia số tiền chia nợ chung 56.000.000 đồng nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà T, do giữa chị Y với anh C và bà T đã thống nhất tự thỏa Tận với nhau về nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị Y xin rút yêu cầu anh C trả cho chị Y số tiền 144.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021 bị đơn là anh Mai C trình bày:

Anh C trình bày thống nhất với lời trình bày của chị Y về điều kiện tiến tới hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu Tẫn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Y xin ly hôn thì anh C đồng ý. Về con chung, chị Y và anh C có một con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003, hiện đang sống chung cùng anh C, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Chị Y và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: Anh C xác định hiện anh chị còn nợ bà Mai Thị T số tiền thức ăn chăn nuôi là 56.000.000 đồng; giữa chị Y, anh C và bà T thống nhất tự thoả Tận đối với tiền nợ chung này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung. Anh C không biết gì về việc chị Y trả cho bà T số tiền thức ăn 144.000.000 đồng nên anh C không đồng ý trả cho chị Y số tiền 144.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Y.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị T trình bày:

Bà T có bán thức ăn chăn nuôi heo cho chị Y và anh C, hai bên thỏa Tận đến khi bán heo thì thanh toán tiền thức ăn. Mỗi lần bán heo thì chị Y và anh C không thanh toán hết tiền thức ăn cho bà T dẫn đến công nợ cộng dồn. Khoảng năm 2018, hai bên chốt nợ chị Y và anh C còn nợ chị T số tiền thức ăn là 200.000.000 đồng,

sau đó chị Y trả dần số này, hiện còn nợ lại số tiền 56.000.000 đồng chưa trả được. Bà T xác định không có yêu cầu chị Y và anh C trả cho bà T số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 56.000.000 đồng, để bà T tự thỏa Tận với chị Y và anh C về số tiền nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Y, cụ thể: Chị Đinh Thị Y được ly hôn với anh Mai Văn C. Về con chung: Anh C được quyền nuôi con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không có nên không xem xét. Về nợ chung: Chị Y, anh Chùm và bà T thống nhất tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi tài sản của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Y đối với anh Mai Văn C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài sản*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26, 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Mai Văn C có nơi cư trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Nguyễn đơn chị Định Thị Y, bị đơn anh Mai Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt chị Y, anh C và bà T theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về tài sản riêng: Chị Y xin rút yêu cầu đối với yêu cầu anh C có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền 144.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu này của chị Y là tự nguyện, không trái qui định của pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y về việc yêu cầu anh C có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền 144.000.000 đồng theo qui định tại điểm c khoản1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dan sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Y và anh Mai Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bnên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị Y cho rằng hôn nhân giữa chị và anh C không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Quá trình Tòa án giải quyết, chị Y và anh C trình bày thống nhất về quá trình anh chị chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu Tẫn. Tại Biên bản lấy lời lời khai thì anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Y. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh C đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị Y và anh C có một con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003, hiện đang sống chung với anh C. Chị Y và anh C trình bày thống nhất anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Mai Đông D có nguyện vọng được sống cùng anh C sau khi chị Y và anh C ly hôn, ý kiến của cháu Đông D là tự nguyện, không ai ép buộc; yêu cầu của chị Y và anh C là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đông D. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Mai Đông D cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y và anh C, giao con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003 cho anh C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị Y và anh C trình bày không có tải sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Nợ chung: Chị Y, anh C và bà T trình bày thống nhất hiện chị Y và anh C còn nợ bà T số tiền thức ăn chăn nuôi là 56.000.000 đồng; chị Y, anh C và bà T thống nhất để các bên tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 217, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Y, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Y, cụ thể:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Định Thị Y về việc yêu cầu anh Mai Văn C có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Thị Y số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

2. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Y được ly hôn với anh Mai Văn C.

3. Về con chung: Giao con chung là Mai Đông D, sinh ngày 09/12/2003 cho anh Mai Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn. Ghi nhận việc anh Mai Văn C không yêu cầu chị Đinh Thị Y cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Đinh Thị Y, anh Mai Văn C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Đinh Thị Y, anh Mai Văn C có thể thỏa Tận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa Tận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Y và anh Mai Văn C trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Đinh Thị Y, anh Mai Văn C và bà Mai Thị T thống nhất tự thỏa Tận, không có yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Đinh Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0000512 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B là đủ.

Hoàn trả cho chị Định Thị Y số tiền tạm ứng án là 3.600.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0000513 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (3b) ;
- TAND tỉnh B(1b) ;
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã Đ (1b) ;
- Lưu HS, VP (2b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị T Trang